TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9-VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:164 /2026/DS–ST
Ngày 12/6/2026
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Ngọc Sơn.
2. Bà Phan Thị Cẩm Hồng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trương Nguyễn Nhứt – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9- Vĩnh Long.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9-Vĩnh Long tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Phú Quí – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9- Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 117/2026/TLST–DS ngày 24 tháng 02 năm 2026 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 185/2025/QĐST–DS ngày 11 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 141/2026/QĐST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2006 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Cao Văn N, sinh năm 1979 và chị Võ Thị Ngọc T, sinh năm 1980; Địa chỉ: 2 ấp T, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Cao Văn P, sinh năm 1961; Địa chỉ: 8 ấp X, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Anh Huỳnh Văn V, sinh năm 1975 và chị Nguyễn Thị N1, sinh năm 1979; Địa chỉ: 1 ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

Ông P có yêu cầu xét xử vắng mặt. Anh V và chị N1 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Anh Cao Văn N là chồng của chị Võ Thị Ngọc T, anh N và chị T có đăng ký kết hôn theo quy định, hiện nay vẫn còn sống chung. Vào ngày 11/12/2024 anh N

có cho anh V và chị N1 vay số tiền là 400.000.000 đồng; lãi suất do hai bên thỏa thuận; lãi trả hàng tháng; thời hạn vay là 06 tháng, mục đích anh V và chị N1 vay là để làm ăn. Khi vay bên hai có lập hợp đồng vay, anh V và chị N1 có ký tên dưới mục "Bên vay", anh N đã giao đủ tiền cho anh V và chị N1.

Ngày 13/01/2025 chị Võ Thị Ngọc T có cho anh N và chị N1 vay số tiền là 800.000.000 đồng; thời hạn vay 06 tháng; hai bên thỏa thuận lãi suất theo quy định; lãi và gốc trả khi đến hạn, mục đích anh V và chị N1 vay là để làm ăn. Khi vay các bên có lập "Hợp đồng vay tiền"; hợp đồng có công chứng chứng thực tại Văn Phòng C;

Tổng cộng anh V và chị N1 vay của anh N và chị T là 1.200.000.000 đồng, số tiền 1.2000.000.000 đồng là tài sản chung của anh N và chị T.

Anh N và chị T yêu cầu anh V và chị N1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho anh N và chị T nợ gốc là 1.200.000.000 đồng, nợ lãi là 162.458.000 đồng, cụ thể:

- Nợ gốc 400.000.000 đồng và nợ lãi tính từ ngày 11/01/2025 đến 12/6/2026 là: 17 tháng x 0,83%/tháng x 400.000.000 đồng = 56.440.000 đồng.

- Nợ gốc là 800.000.000 đồng và nợ lãi tính từ ngày 13/02/2025 đến ngày 12/06/2026 là: 15 tháng 29 ngày x 0,83%/tháng x 800.000.000 đồng = 106.018.000 đồng.

Bị đơn anh Huỳnh Văn V và chị Nguyễn Thị N1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhiều lần các thông báo nhưng anh Huỳnh Văn V và chị Nguyễn Thị N1 vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa các đương sự đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại các Điều 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Huỳnh Văn V và chị Nguyễn Thị N1 cư trú tại ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Cao Văn P có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông P.

- Bị đơn anh Huỳnh Văn V và bà Nguyễn Thị N1 đã được Tòa án án tống đạt các văn bản tố tụng đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh Huỳnh Văn V và bà Nguyễn Thị N1 đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Huỳnh Văn V và bà Nguyễn Thị N1.

[4] Về nội dung vụ án: Anh N và chị T1 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh V và chị N1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho anh N và chị T nợ gốc là 1.200.000.000 đồng, nợ lãi là 162.458.000 đồng.

[5] Xét thấy: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn đã cung cấp tài liệu, chứng cứ là bản gốc "Hợp đồng vay tiền" ngày 11/12/2024 và bản sao có công chứng chứng thực "Hợp đồng vay tiền" ngày 13/01/2025 để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Huỳnh Văn V và chị Nguyễn Thị N1 đã được Tòa án nhiều lần tống đạt hợp lệ nhiều lần các thông báo, quyết định của Toà án nhưng anh V và chị N1 vẫn vắng mặt không có lý do nên đã từ bỏ nghĩa vụ chứng minh của mình theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do anh N và chị T giao nộp để xét xử vụ án.

[6] Xét yêu cầu khởi kiện của anh N và chị T, xét thấy: Hợp đồng vay tài sản giữa anh N, chị T với anh V và chị N1 được xác lập trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc nên được xem là hợp đồng hợp pháp. Do đó làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên nên các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết. Quá trình thực hiện hợp đồng đã vi phạm hợp đồng mà hai bên đã thỏa thuận làm phát sinh tranh chấp. Lẽ đó yêu cầu khởi kiện của anh N, chị T là có căn cứ nên cần buộc anh V và chị N1 có nghĩa vụ liên đới trả cho anh N và chị T nợ gốc là 1.200.000.000 đồng, nợ lãi là 162.458.000 đồng là phù hợp.

[7] Do yêu cầu của anh N và chị T được chấp nhận nên anh V và chị N1 phải liên đới nộp án phí theo quy định.

[8] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm b, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 217, 218, 219, 227, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468, 357 Bộ luật dân sự; Điều 27 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của anh Cao Văn N và chị Võ Thị Ngọc T. Buộc anh Huỳnh Văn V và chị Nguyễn Thị N1 có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Cao Văn N và chị Võ Thị Ngọc T nợ gốc là 1.200.000.000 đồng, nợ lãi là 162.458.000 đồng

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Cao Văn N và chị Võ Thị Ngọc T được Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 25.544.000 đồng theo biên lai thu số 0002816 ngày 10 tháng 02 năm 2026.

- Anh Huỳnh Văn V và chị Nguyễn Thị N1 phải liên đới nộp là 52.873.740 đồng.

Đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 9-Vĩnh Long;
- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Vân